

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Thông tin chung | 1 - 2 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| Bảng cân đối kế toán tổng hợp | 6 - 7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp | 8 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp | 9 - 10 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp | 11 - 54 |

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch “HAG”.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp, mười bốn (14) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Mặc dù tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”) của Công ty đã giảm xuống còn 40,29% tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nhưng Công ty vẫn đang nắm quyền kiểm soát đối với HNG khi Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty vẫn đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị của HNG và số lượng thành viên trong Hội đồng Quản trị của HNG, đại diện cho Công ty, vẫn đang chiếm 3 thành viên trên tổng số 6 thành viên tại ngày này. Do đó, căn cứ theo các quy định hiện hành, HNG vẫn là công ty con của Công ty và các công ty con của HNG vẫn là các công ty con gián tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; và kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| <i>Họ và tên</i> | <i>Chức vụ</i> | |
|---------------------|----------------|-------------------------------------|
| Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch | |
| Ông Võ Trường Sơn | Thành viên | |
| Bà Võ Thị Huyền Lan | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Văn Minh | Thành viên | |
| Bà Võ Thị Mỹ Hạnh | Thành viên | |
| Bà Nguyễn Thị Huyền | Thành viên | bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Đoàn Nguyên Thu | Thành viên | miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Phan Thanh Thủ | Thành viên | miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| <i>Họ và tên</i> | <i>Chức vụ</i> | |
|-----------------------|----------------|-------------------------------------|
| Bà Đỗ Trần Thùy Trang | Trưởng ban | |
| Ông Lê Hồng Phong | Thành viên | bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Phạm Ngọc Châu | Thành viên | bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Nguyễn Thị Huyền | Thành viên | miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Tấn Anh | Thành viên | miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| <i>Họ và tên</i> | <i>Chức vụ</i> | |
|---------------------|-------------------|--------------------------------------|
| Ông Võ Trường Sơn | Tổng Giám đốc | |
| Bà Hồ Thị Kim Chi | Phó Tổng Giám đốc | |
| Bà Võ Thị Mỹ Hạnh | Phó Tổng Giám đốc | bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Văn Minh | Phó Tổng Giám đốc | miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 10 tháng 4 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

Số tham chiếu: 60752790/22005858

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được lập vào ngày 10 tháng 4 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 1.028.431.519 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Cũng tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 6.678.268.588 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 31 của báo cáo tài chính tổng hợp, trình bày việc Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính tổng hợp để sửa chữa sai sót của những năm trước.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Thái Trọng Cang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4139-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 31) |
|------------|---|-------------|-----------------------|--|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 4.480.020.883 | 3.756.642.744 |
| 110 | I. Tiền | | 18.717.492 | 116.834.469 |
| 111 | 1. Tiền | 5 | 18.717.492 | 116.834.469 |
| 130 | II. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 4.432.812.503 | 3.617.109.674 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | 467.532.255 | 416.053.861 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 7 | 290.649.046 | 276.537.115 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 8 | 4.695.370.576 | 4.087.575.874 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 9 | 884.586.489 | 977.915.535 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 6, 8, 9 | (1.905.325.863) | (2.140.972.711) |
| 140 | III. Hàng tồn kho | 10 | 23.063.944 | 16.769.562 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 23.063.944 | 17.043.880 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | - | (274.318) |
| 150 | IV. Tài sản ngắn hạn khác | | 5.426.944 | 5.929.039 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 275.394 | 429.859 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 1.967.635 | 1.776.848 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 3.183.915 | 3.722.332 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 11.336.186.802 | 13.430.637.398 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 2.707.316.687 | 6.535.694.516 |
| 215 | 1. Phải thu về cho vay dài hạn | 8 | 2.591.677.765 | 8.838.255.230 |
| 216 | 2. Phải thu dài hạn khác | 9 | 118.108.279 | 903.779.309 |
| 219 | 3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 8, 9 | (2.469.357) | (3.206.340.023) |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 186.932.639 | 197.156.679 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 11 | 160.372.389 | 169.314.359 |
| 222 | Nguyên giá | | 289.436.944 | 290.309.443 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (129.064.555) | (120.995.084) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 12 | 26.560.250 | 27.842.320 |
| 228 | Nguyên giá | | 40.450.152 | 40.450.152 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (13.889.902) | (12.607.832) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | 13 | 65.237.146 | 67.867.999 |
| 231 | 1. Nguyên giá | | 74.075.831 | 74.075.831 |
| 232 | 2. Giá trị khấu hao lũy kế | | (8.838.685) | (6.207.832) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 11.355.948 | 9.752.230 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 11.355.948 | 9.752.230 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | 14 | 8.354.085.245 | 6.609.511.112 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 8.418.504.194 | 6.656.151.071 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên kết | | 5.000.000 | 5.000.000 |
| 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 7.360.041 | 7.360.041 |
| 254 | 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (76.778.990) | (59.000.000) |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 11.259.137 | 10.654.862 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 15 | 11.235.076 | 10.654.862 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 28.2 | 24.061 | - |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 15.816.207.685 | 17.187.280.142 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 31) |
|------------|--|-------------|-----------------------|--|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 9.676.729.356 | 10.019.370.294 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 2.417.473.192 | 1.536.353.671 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 16 | 114.348.264 | 58.205.395 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 17 | 16.234.635 | 2.604.811 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 18 | 1.544.356 | 4.998.774 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 11.475.806 | 11.983.333 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 19 | 1.344.093.841 | 823.460.958 |
| 318 | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | 409.091 | 60.667 |
| 319 | 7. Phải trả ngắn hạn khác | 20 | 250.390.699 | 188.305.098 |
| 320 | 8. Vay ngắn hạn | 21 | 678.872.990 | 446.631.125 |
| 322 | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 103.510 | 103.510 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 7.259.256.164 | 8.483.016.623 |
| 333 | 1. Chi phí phải trả dài hạn | 19 | 817.366.279 | 1.139.729.876 |
| 337 | 2. Phải trả dài hạn khác | 20 | 7.666.626 | 292.666.626 |
| 338 | 3. Vay dài hạn | 21 | 6.428.613.238 | 7.044.687.161 |
| 341 | 4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 28.2 | - | 322.939 |
| 342 | 5. Dự phòng phải trả dài hạn | | 5.610.021 | 5.610.021 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 6.139.478.329 | 7.167.909.848 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 22.1 | 6.139.478.329 | 7.167.909.848 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 9.274.679.470 | 9.274.679.470 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 9.274.679.470 | 9.274.679.470 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 3.263.858.784 | 3.263.858.784 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | | (686.640) | (686.640) |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 279.895.303 | 279.895.303 |
| 421 | 5. Lỗ lũy kế | | (6.678.268.588) | (5.649.837.069) |
| 421a | - Lỗ lũy kế đến cuối năm trước | | (5.649.837.069) | (4.795.545.136) |
| 421b | - Lỗ trong năm | | (1.028.431.519) | (854.291.933) |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 15.816.207.685 | 17.187.280.142 |


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 31) |
|-------|--|-------------|-----------------|---|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 23.1 | 376.925.022 | 100.734.787 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 23.1 | (13.318.930) | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 23.1 | 363.606.092 | 100.734.787 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 24 | (334.486.271) | (93.104.304) |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 29.119.821 | 7.630.483 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 23.2 | 867.189.161 | 1.773.261.043 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 25 | (796.423.607) | (2.075.009.756) |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | (759.605.140) | (914.705.236) |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 26 | (33.525.809) | (4.564.764) |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | (1.049.008.242) | (631.919.414) |
| 30 | 10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh | | (982.648.676) | (930.602.408) |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 27 | 1.974.266 | 3.215.928 |
| 32 | 12. (Chi phí)/hoàn nhập chi phí khác | 27 | (48.104.109) | 73.877.268 |
| 40 | 13. (Lỗ)/lợi nhuận khác | 27 | (46.129.843) | 77.093.196 |
| 50 | 14. Tổng lỗ kế toán trước thuế | | (1.028.778.519) | (853.509.212) |
| 51 | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 28.1 | - | - |
| 52 | 16. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại | 28.2 | 347.000 | (782.721) |
| 60 | 17. Lỗ sau thuế TNDN | | (1.028.431.519) | (854.291.933) |


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 31) |
|-----------|---|---------------|------------------------|---|
| 01 | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| | Lỗ kế toán trước thuế | | (1.028.778.519) | (853.509.212) |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 02 | Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư | 11, 12, 13 | 14.125.334 | 14.537.673 |
| 03 | Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) | | 1.038.514.831 | (191.704.012) |
| 04 | Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 2.125.772 | (331.467) |
| 05 | (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | 23.2, 27 | (865.972.444) | 134.054.019 |
| 06 | Chi phí lãi vay | 25 | 759.605.140 | 914.705.236 |
| 07 | Các điều chỉnh khác | 25 | 16.172.109 | 17.989.667 |
| 08 | (Lỗ)/lợi nhuận của hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (64.207.777) | 35.741.904 |
| 09 | Giảm/(tăng) các khoản phải thu | | 970.048.282 | (892.813.900) |
| 10 | (Tăng)/giảm hàng tồn kho | | (6.020.064) | 43.928.368 |
| 11 | Giảm các khoản phải trả | | (151.288.804) | (1.262.722.979) |
| 12 | (Tăng)/giảm chi phí trả trước | | (425.749) | 285.331 |
| 14 | Tiền lãi vay và lãi HĐHTKD đã trả | | (583.984.978) | (728.189.479) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | - | (1.236.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh | | 164.120.910 | (2.805.006.755) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | | (1.863.567) | (252.850) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý TSCĐ | | - | 24.105.154 |
| 23 | Tiền chi cho vay | | (1.419.765.358) | (5.972.088.587) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay | | 990.258.291 | 4.828.959.104 |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 98.489.000 | 5.452.581.129 |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi | | 464.131.973 | 861.335.320 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 131.250.339 | 5.194.639.270 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

| Mã số | CHI TIẾT | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 31) |
|-----------|--|-------------|----------------------|---|
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | 21 | 121.540.283 | - |
| 34 | Tiền trả nợ gốc vay | 21 | (515.028.509) | (2.485.516.165) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính | | (393.488.226) | (2.485.516.165) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (98.116.977) | (95.883.650) |
| 60 | Tiền đầu năm | | 116.834.469 | 212.718.119 |
| 70 | Tiền cuối năm | 5 | 18.717.492 | 116.834.469 |


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch “HAG”.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp, mười bốn (14) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

| Tên công ty | Trụ sở | Tình trạng hoạt động | Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%) |
|---|-----------------------|----------------------|--------------------------------|
| Lĩnh vực nông nghiệp | | | |
| (1) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”) (*) | Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 40,29 |
| (2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 40,29 |
| (3) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Attapeu, Lào | Đang hoạt động | 40,29 |
| (4) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk | Đắk Lắk, Việt Nam | Đang hoạt động | 40,23 |
| (5) Công ty TNHH MTV Cao su Ban Mê | Đắk Lắk, Việt Nam | Đang hoạt động | 40,23 |
| (6) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu | Attapeu, Lào | Đang hoạt động | 40,29 |
| (7) Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas | Ratanakiri, Campuchia | Đang hoạt động | 40,29 |
| (8) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav | Ratanakiri, Campuchia | Đang hoạt động | 40,29 |
| (9) Công ty TNHH Heng Brothers | Ratanakiri, Campuchia | Đang hoạt động | 40,29 |

(*) Mặc dù tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”) của Công ty đã giảm xuống còn 40,29% tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nhưng Công ty vẫn đang nắm quyền kiểm soát đối với HNG khi Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty vẫn đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị của HNG và số lượng thành viên trong Hội đồng Quản trị của HNG, đại diện cho Công ty, chiếm 3 thành viên trên tổng số 6 thành viên tại ngày này. Do đó, căn cứ theo các quy định hiện hành, HNG vẫn là công ty con của Công ty và các công ty con của HNG vẫn là các công ty con gián tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

| <i>Tên công ty</i> | <i>Trụ sở</i> | <i>Tình trạng hoạt động</i> | <i>Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)</i> |
|---|-----------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
| Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo) | | | |
| (10) Công ty TNHH CRD | Ratanakiri, Campuchia | Đang hoạt động | 40,29 |
| (11) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri | Ratanakiri, Campuchia | Đang hoạt động | 40,29 |
| (12) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên | Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 40,29 |
| (13) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai | Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 78,22 |
| (14) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng | Champasak, Lào | Đang hoạt động | 78,22 |
| (15) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay | Champasak, Lào | Đang hoạt động | 78,22 |
| (16) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 88,03 |
| Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ | | | |
| (17) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai | Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 51,00 |
| (18) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai | Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 99,00 |
| (19) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane | Viêng Chăn, Lào | Trước hoạt động (I) | 100,00 |
| (20) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai | Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 40,29 |
| Công ty liên kết | | | |
| (1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông | Hồ Chí Minh, Việt Nam | Đang hoạt động | 25,00 |
| Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc | | | |
| Dịch vụ hàng hóa - xây dựng | | | |
| (1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai | Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | - |
| (2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai | Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | - |
| (3) Chi nhánh Chế biến hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai | Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | - |
| Quản lý bất động sản và khách sạn | | | |
| (4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai | Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 183 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 219).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty có các công ty con như được trình bày trong Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 10 tháng 4 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 1.028.431.519 ngàn VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, và cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 6.678.268.588 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Công ty cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng vay và trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 21 của báo cáo tài chính tổng hợp. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo. Ngoài ra, vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai, công ty con của Công ty, đã tiến hành Đại Hội Cổ đông Bất thường nhằm thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải để hoán đổi các khoản nợ phải trả, nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn hoạt động (Thuyết minh số 33). Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|---------------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 50 năm |
| Máy móc thiết bị | 5 - 15 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 10 năm |
| Vườn cây lâu năm | 7 năm |
| Phần mềm máy vi tính | 8 năm |
| Tài sản khác | 6 năm |

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 30 năm |
| Quyền sử dụng đất | 36 - 43 năm |

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong năm.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp :

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện, trừ đi các khoản giảm giá, chiết khấu và các khoản thuế không hoàn lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp .

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính tổng hợp này.

5. TIỀN

| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Ngàn VND</i> <i>Số đầu năm</i> |
|--------------------|--------------------------|--------------------------------------|
| Tiền mặt | 673.251 | 748.795 |
| Tiền gửi ngân hàng | <u>18.044.241</u> | <u>116.085.674</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>18.717.492</u> | <u>116.834.469</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN (tiếp theo)

Các thông tin bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp:

Ngàn VND

Năm nay

Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu đã được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Chi tiết như sau:

Góp vốn vào công ty con bằng hình thức chuyển đổi từ giá trị thuần của các khoản phải thu (Thuyết minh "TM" số 14.1) 1.822.042.563

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Ngàn VND | |
|---|--------------------|--|
| | Số cuối năm | Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 31) |
| Phải thu tiền thanh lý khoản đầu tư | 261.776.000 | 275.065.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai | 176.576.000 | 249.045.000 |
| - Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên | - | 26.020.000 |
| - Phải thu khác | 85.200.000 | - |
| Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 124.049.889 | 76.717.582 |
| Phải thu từ dịch vụ xây dựng | 50.978.125 | 34.140.817 |
| Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định | 29.364.106 | 26.323.777 |
| Phải thu tiền bán căn hộ | 1.364.135 | 3.806.685 |
| TỔNG CỘNG | 467.532.255 | 416.053.861 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (8.579.854) | (24.654.386) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 458.952.401 | 391.399.475 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải thu các bên thứ ba</i> | 307.950.268 | 287.937.915 |
| <i>Phải thu các bên liên quan (TM số 29)</i> | 159.581.987 | 128.115.946 |

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | Ngàn VND | |
|--|------------------|---|
| | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 31) |
| Số đầu năm | 24.654.386 | 12.232.129 |
| <i>Cộng:</i> Dự phòng lập trong năm | - | 16.550.050 |
| <i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm | (288.979) | (4.127.793) |
| <i>Trừ:</i> Giảm do mua công ty con | (15.785.553) | - |
| Số cuối năm | <u>8.579.854</u> | <u>24.654.386</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|-------------|
| Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 290.649.046 | 276.537.115 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Trả trước cho bên liên quan (TM số 29)</i> | 286.841.877 | 268.265.107 |
| <i>Trả trước cho các bên thứ ba</i> | 3.807.169 | 8.272.008 |

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

| | Số cuối năm | Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 31) |
|--|----------------------|--|
| Ngắn hạn | | |
| Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 29) (i) | 4.532.763.528 | 3.930.680.511 |
| Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii) | 162.607.048 | 156.895.363 |
| | <u>4.695.370.576</u> | <u>4.087.575.874</u> |
| Dài hạn | | |
| Cho vay dài hạn các bên liên quan (TM số 29) (i) | 2.573.947.288 | 8.777.568.963 |
| Cho vay dài hạn các bên khác (ii) | 500.000 | 43.380.907 |
| Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii) | 17.230.477 | 17.305.360 |
| | <u>2.591.677.765</u> | <u>8.838.255.230</u> |
| TỔNG CỘNG | 7.287.048.341 | 12.925.831.104 |
| Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi | (1.748.914.571) | (4.447.830.498) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 5.538.133.770 | 8.478.000.606 |

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi:

| | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 31) |
|---------------------------------------|----------------------|---|
| Số đầu năm | 4.447.830.498 | 4.575.037.707 |
| <i>Cộng:</i> Dự phòng lập trong năm | 1.121.998.712 | 308.667.228 |
| <i>Trừ:</i> Xóa sổ dự phòng trong năm | (309.523.936) | - |
| <i>Trừ:</i> Giảm do mua công ty con | (3.511.390.703) | (435.874.437) |
| Số cuối năm | <u>1.748.914.571</u> | <u>4.447.830.498</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Ngắn hạn</i> | 1.748.914.571 | 1.959.639.493 |
| <i>Dài hạn</i> | - | 2.488.191.005 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 8,00% đến 12,00%/năm.
- (ii) Đây là khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 10,50% đến 13,00%/năm.
- (iii) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào theo Hợp đồng Tín dụng ký ngày 23 tháng 5 năm 2013. Khoản vay này sẽ được cân trừ với nghĩa vụ thuế mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai:

| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
|-----------------------------------|--------------------|-------------------|
| Nợ gốc đầu năm (USD) | 748.826 | 648.826 |
| Tăng trong năm (USD) | - | 100.000 |
| Nợ gốc cuối năm (USD) | 748.826 | 748.826 |
| Nợ gốc cuối năm (Ngàn VND) | 17.230.477 | 17.305.360 |

9. PHẢI THU KHÁC

| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Ngàn VND</i> <i>Số đầu năm</i> <i>(Trình bày lại -</i> <i>Thuyết minh số 31)</i> |
|---|----------------------|--|
| Ngắn hạn | | |
| Chi trả hộ | 711.029.198 | 789.679.663 |
| Phải thu lãi cho vay | 152.642.354 | 180.568.798 |
| Tạm ứng cho nhân viên | 18.081.410 | 4.806.834 |
| Phải thu khác | 2.833.527 | 2.860.240 |
| | <u>884.586.489</u> | <u>977.915.535</u> |
| Dài hạn | | |
| Phải thu lãi cho vay | 115.741.438 | 901.412.468 |
| Phải thu khác | 2.366.841 | 2.366.841 |
| | <u>118.108.279</u> | <u>903.779.309</u> |
| TỔNG CỘNG | 1.002.694.768 | 1.881.694.844 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (150.300.795) | (874.827.850) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 852.393.973 | 1.006.866.994 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 29)</i> | <i>809.182.797</i> | <i>914.171.184</i> |
| <i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 29)</i> | <i>115.557.606</i> | <i>901.001.458</i> |
| <i>Phải thu các bên thứ ba</i> | <i>77.954.365</i> | <i>66.522.202</i> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi:

| | Năm nay | Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 31) |
|------------------------------------|--------------------|---|
| Số đầu năm | 874.827.850 | 195.804.022 |
| Cộng: Dự phòng lập trong năm | 30.265.958 | 679.023.828 |
| Trừ: Giảm do mua công ty con | (516.394.180) | - |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm | (131.239.850) | - |
| Trừ: Xóa sổ dự phòng lập trong năm | (107.158.983) | - |
| Số cuối năm | <u>150.300.795</u> | <u>874.827.850</u> |
| Trong đó: | | |
| Ngắn hạn | 147.831.438 | 156.678.832 |
| Dài hạn | 2.469.357 | 718.149.018 |

10. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm | Ngàn VND Số đầu năm |
|--------------------------------------|-------------------|------------------------|
| Nguyên vật liệu | 9.650.843 | 7.957.278 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 5.595.095 | 5.620.728 |
| Công cụ, dụng cụ | 5.381.176 | 1.785.064 |
| Hàng hóa | 2.378.495 | 1.622.474 |
| Thành phẩm | 58.335 | 58.336 |
| TỔNG CỘNG | 23.063.944 | 17.043.880 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | (274.318) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 23.063.944 | 16.769.562 |

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

| | Năm nay | Ngàn VND Năm trước |
|--------------------------------|-----------|-----------------------|
| Số đầu năm | 274.318 | 274.318 |
| Trừ: Xóa sổ dự phòng trong năm | (274.318) | - |
| Số cuối năm | <u>-</u> | <u>274.318</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Ngàn VND | | | | | | |
|---|---------------------------|---------------------|---------------------------------------|-----------------------|---------------------|-----------------|---------------|
| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị văn phòng | Vườn cây lâu năm | Tài sản khác | Tổng cộng |
| Nguyên giá | | | | | | | |
| Số đầu năm | 227.116.932 | 19.211.624 | 34.119.845 | 3.063.542 | 6.689.440 | 108.060 | 290.309.443 |
| Mua mới trong năm | 562.256 | 145.641 | 448.335 | 114.209 | - | - | 1.270.441 |
| Xoá sổ trong năm | - | - | (2.142.940) | - | - | - | (2.142.940) |
| Số cuối năm | 227.679.188 | 19.357.265 | 32.425.240 | 3.177.751 | 6.689.440 | 108.060 | 289.436.944 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết</i> | 667.415 | 7.653.038 | 13.576.949 | 2.411.166 | 6.689.440 | 108.060 | 31.106.068 |
| Giá trị khấu hao lũy kế | | | | | | | |
| Số đầu năm | (67.983.116) | (16.938.310) | (26.366.546) | (2.923.119) | (6.689.440) | (94.553) | (120.995.084) |
| Khấu hao trong năm | (6.920.356) | (1.216.225) | (1.988.680) | (73.643) | - | (13.507) | (10.212.411) |
| Xoá sổ trong năm | - | - | 2.142.940 | - | - | - | 2.142.940 |
| Số cuối năm | (74.903.472) | (18.154.535) | (26.212.286) | (2.996.762) | (6.689.440) | (108.060) | (129.064.555) |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Số đầu năm | 159.133.816 | 2.273.314 | 7.753.299 | 140.423 | - | 13.507 | 169.314.359 |
| Số cuối năm | 152.775.716 | 1.202.730 | 6.212.954 | 180.989 | - | - | 160.372.389 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| <i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (TM số 21.1)</i> | 104.501.006 | - | 6.139.725 | - | - | - | 110.640.731 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Ngàn VND | | |
|---|------------------------------|---------------------------------|-------------------|
| | <i>Quyền sử dụng đất</i> | <i>Phần mềm máy vi tính</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm và số cuối năm | <u>25.278.179</u> | <u>15.171.973</u> | <u>40.450.152</u> |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số đầu năm | - | (12.607.832) | (12.607.832) |
| Hao mòn trong năm | - | (1.282.070) | (1.282.070) |
| Số cuối năm | - | (13.889.902) | (13.889.902) |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | <u>25.278.179</u> | <u>2.564.141</u> | <u>27.842.320</u> |
| Số cuối năm | <u>25.278.179</u> | <u>1.282.071</u> | <u>26.560.250</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 21.1)</i> | 25.278.179 | - | 25.278.179 |

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| | Ngàn VND | | |
|---|------------------------------|-----------------------------------|-------------------|
| | <i>Quyền sử dụng đất</i> | <i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm và số cuối năm | <u>27.072.022</u> | <u>47.003.809</u> | <u>74.075.831</u> |
| Giá trị khấu hao lũy kế | | | |
| Số đầu năm | (2.957.577) | (3.250.255) | (6.207.832) |
| Khấu hao trong năm | (739.394) | (1.891.459) | (2.630.853) |
| Số cuối năm | (3.696.971) | (5.141.714) | (8.838.685) |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | <u>24.114.445</u> | <u>43.753.554</u> | <u>67.867.999</u> |
| Số cuối năm | <u>23.375.051</u> | <u>41.862.095</u> | <u>65.237.146</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 21.1)</i> | 23.375.051 | 41.862.095 | 65.237.146 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

| | <i>Năm nay</i> | <i>Ngàn VND Năm trước</i> |
|--|----------------|-------------------------------|
| Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư | 1.884.188 | 3.366.332 |
| Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm | 2.630.853 | 1.239.432 |

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, dựa trên các ước tính hiện tại, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Ngàn VND Số đầu năm</i> |
|---|----------------------|--------------------------------|
| Đầu tư vào công ty con (TM số 14.1) | 8.418.504.194 | 6.656.151.071 |
| Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 14.2) | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 14.3) | 7.360.041 | 7.360.041 |
| TỔNG CỘNG | 8.430.864.235 | 6.668.511.112 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | (76.778.990) | (59.000.000) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 8.354.085.245 | 6.609.511.112 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

| Tên công ty | Lĩnh vực kinh doanh | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|--------------------------------------|--|----------------------------|----------------------|--|----------------------------|----------------------|
| | | Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết % | Giá gốc đầu tư Ngàn VND | Dự phòng Ngàn VND | Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết % | Giá gốc đầu tư Ngàn VND | Dự phòng Ngàn VND |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (*) | Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp | 40,29 | 4.443.536.641 | - | 40,83 | 4.503.226.081 | - |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (**) | Chăn nuôi và trồng trọt | 88,03 | 1.822.042.563 | - | - | - | - |
| Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai | Nông nghiệp | 78,22 | 1.977.146.000 | - | 78,22 | 1.977.146.000 | - |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai | Bệnh viện | 99,00 | 99.000.000 | - | 99,00 | 99.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai | Câu lạc bộ bóng đá | 51,00 | 59.000.000 | (59.000.000) | 51,00 | 59.000.000 | (59.000.000) |
| Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane | Quản lý bất động sản và khách sạn | 100,00 | 17.778.990 | (17.778.990) | 100,00 | 17.778.990 | - |
| TỔNG CỘNG | | | 8.418.504.194 | (76.778.990) | | 6.656.151.071 | (59.000.000) |

(*) Trong năm, Công ty đã bán 6.000.000 cổ phiếu HNG. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 40,83% xuống còn 40,29%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(**) Vào ngày 10 tháng 9 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi các khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (“Chăn nuôi Gia Lai”) thành khoản đầu tư tương đương với 586.561.300 cổ phần hay 88,03% tỷ lệ sở hữu trong Công ty này theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 2006/20/NQĐHCĐ-HAGL ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1009/20/NQHĐQT-HAGL ngày 10 tháng 9 năm 2020. Theo đó, Chăn nuôi Gia Lai trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900988952 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 3 tháng 6 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong năm hiện tại là chăn nuôi và trồng trọt.

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

| Tên công ty | Lĩnh vực kinh doanh | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|---------------------|------------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|
| | | Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết % | Giá gốc đầu tư Ngàn VND | Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết % | Giá gốc đầu tư Ngàn VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông | Tư vấn và thiết kế | 25,00 | 5.000.000 | 25,00 | 5.000.000 |

14.3 Đầu tư vào các công ty khác

| Tên công ty | Lĩnh vực kinh doanh | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|------------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|
| | | Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết % | Giá gốc đầu tư Ngàn VND | Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết % | Giá gốc đầu tư Ngàn VND |
| Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên | Truyền thông | 2,00 | 6.200.000 | 2,00 | 6.200.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông | Thương mại và vận tải | - | 1.160.041 | - | 1.160.041 |
| TỔNG CỘNG | | | 7.360.041 | | 7.360.041 |

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | Ngàn VND | |
|-------------------------|-------------------|-------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền thuê đất trả trước | 8.609.091 | 8.880.515 |
| Công cụ, dụng cụ | 1.653.762 | 679.080 |
| Chi phí trả trước khác | 972.223 | 1.095.267 |
| TỔNG CỘNG | 11.235.076 | 10.654.862 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Ngàn VND | |
|--|--------------------|-------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ | 113.677.123 | 57.448.357 |
| Phải trả khác | 671.141 | 757.038 |
| TỔNG CỘNG | 114.348.264 | 58.205.395 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải trả cho các bên thứ ba</i> | 72.817.744 | 30.221.256 |
| <i>Phải trả cho các bên liên quan (TM số 29)</i> | 41.530.520 | 27.984.139 |

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | Ngàn VND | |
|--|-------------------|------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Nhận ứng trước của khách hàng thương mại | 9.801.676 | 1.676.726 |
| Nhận ứng trước của khách hàng dịch vụ xây dựng | 6.432.959 | 410.201 |
| Nhận ứng trước của khách hàng mua căn hộ | - | 517.884 |
| TỔNG CỘNG | 16.234.635 | 2.604.811 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Ứng trước từ các bên liên quan (TM số 29)</i> | 15.073.046 | 772.641 |
| <i>Ứng trước từ các bên thứ ba</i> | 1.161.589 | 1.832.170 |

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Ngàn VND | | | |
|----------------------------|------------------|------------------|--------------------|------------------|
| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.304.646 | 3.443.508 | (4.440.092) | 1.308.062 |
| Thuế giá trị gia tăng | 517.692 | 1.743.656 | (2.093.008) | 168.340 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 65.230 | - | - | 65.230 |
| Khác | 2.111.206 | 456.871 | (2.565.353) | 2.724 |
| TỔNG CỘNG | 4.998.774 | 5.644.035 | (9.098.453) | 1.544.356 |

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | Ngàn VND | |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | | |
| Chi phí lãi vay | 1.320.191.343 | 794.816.138 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 15.908.108 | 21.414.660 |
| Chi phí hoạt động | 4.108.660 | 7.230.160 |
| Chi phí lãi HĐHTKD | 3.885.730 | - |
| | <u>1.344.093.841</u> | <u>823.460.958</u> |
| Dài hạn | | |
| Chi phí lãi vay | 817.366.279 | 1.139.729.876 |
| TỔNG CỘNG | 2.161.460.120 | 1.963.190.834 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. PHẢI TRẢ KHÁC

| | Số cuối năm | Ngàn VND Số đầu năm |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Phải trả về hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) (i) | 104.112.630 | 36.000.000 |
| Phải trả tiền mượn từ các cá nhân và các công ty (ii) | 99.199.471 | 80.347.526 |
| Phải trả do thu hộ | 43.409.187 | 49.757.784 |
| Chi phí lãi HĐHTKD (iii) | - | 17.989.667 |
| Khác | 3.669.411 | 4.210.121 |
| | <u>250.390.699</u> | <u>188.305.098</u> |
| Dài hạn | | |
| Phải trả do thu hộ | 7.666.626 | 7.666.626 |
| Phải trả về HĐHTKD (i) | - | 285.000.000 |
| | <u>7.666.626</u> | <u>292.666.626</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>258.057.325</u> | <u>480.971.724</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 29) | 141.701.244 | 123.209.705 |
| Phải trả dài hạn các bên liên quan (TM số 29) | - | 285.000.000 |
| Phải trả các bên thứ ba | 116.356.081 | 72.762.019 |
| (i) Khoản này thể hiện phần vốn góp từ các cá nhân theo các HĐHTKD ký ngày 24 tháng 9 năm 2018 và ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc hợp tác đầu tư vào các dự án trồng cây ăn quả của Công ty. Các HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn 12,00% trên tổng số tiền đầu tư với thời hạn hợp tác là sáu (6) tháng hoặc ba (3) năm kể từ ngày hợp đồng. | | |
| (ii) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty. | | |
| (iii) Khoản này thể hiện khoản lợi nhuận phải trả cho các cá nhân liên quan đến các HĐHTKD như đã đề cập ở (i). | | |

21. VAY

| | Số cuối năm | Ngàn VND Số đầu năm |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Vay ngắn hạn | | |
| Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (TM số 21.1) | 625.730.091 | 120.000.000 |
| Vay ngắn hạn khác (TM số 21.2) | 53.142.899 | - |
| Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả | - | 326.631.125 |
| | <u>678.872.990</u> | <u>446.631.125</u> |
| Vay dài hạn | | |
| Trái phiếu thường dài hạn (TM số 21.1) | 6.428.613.238 | 7.044.687.161 |
| TỔNG CỘNG | <u>7.107.486.228</u> | <u>7.491.318.286</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) các khoản vay trong năm như sau:

| | Vay ngắn hạn | Vay dài hạn | Ngàn VND Tổng cộng |
|------------------------------|--------------------|----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 446.631.125 | 7.044.687.161 | 7.491.318.286 |
| Vay mới trong năm | 121.540.283 | - | 121.540.283 |
| Trả nợ gốc vay trong năm | (515.028.509) | - | (515.028.509) |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 630.000.000 | (630.000.000) | - |
| Chi phí phát hành trái phiếu | (4.269.909) | 13.926.077 | 9.656.168 |
| Số cuối năm | <u>678.872.990</u> | <u>6.428.613.238</u> | <u>7.107.486.228</u> |

21.1 Trái phiếu thường dài hạn

| | Số cuối năm | Ngàn VND Số đầu năm |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Tổ chức thu xếp phát hành | | |
| BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC") | 5.876.000.000 | 5.876.000.000 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia) ("HDBS") | 930.000.000 | 930.000.000 |
| Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS") | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt | - | 120.000.000 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | (51.656.671) | (61.312.839) |
| TỔNG CỘNG | <u>7.054.343.329</u> | <u>7.164.687.161</u> |
| Trong đó: | | |
| Trái phiếu dài hạn | 6.428.613.238 | 7.044.687.161 |
| Trái phiếu dài hạn đến hạn trả | 625.730.091 | 120.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Trái phiếu thường dài hạn (tiếp theo)

| Tổ chức thu xếp phát hành | Trái chủ | Số tiền (Ngàn VND) | Lãi suất (%/năm) | Ngày đáo hạn | Mục đích | Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 13) |
|---------------------------------|----------|-----------------------|---|------------------------------------|--|--|
| BIDV và BSC | BIDV (*) | 5.876.000.000 | Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2020: 9,50 - 9,80) | Ngày 30 tháng 12 năm 2026 | Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn | Các quyền thuê đất như sau: 4.852,74 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; 9.996,9 ha (trồng cao su); 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 9.380,9 ha (đã trồng 7.102 ha cọ dầu) tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Heng Brothers; 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH CRD; Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức. |

Chi phí phát hành
trái phiếu (45.868.883)

TỔNG CỘNG 5.830.131.117

Trong đó:
Trái phiếu dài hạn 5.512.629.082
Trái phiếu dài
hạn đến hạn trả 317.502.035

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, diện tích cao su của Tập đoàn thực tế trồng là 4.486 ha, thấp hơn so với cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 4.852,74 ha và diện tích cọ dầu của Tập đoàn thực tế trồng là 5.233 ha, thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 7.102 ha. Cũng tại ngày này, Công ty cũng chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải nộp đã đến hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với tổng giá trị là 1.150.310.989 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay đã đến hạn trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Trái phiếu thường dài hạn (tiếp theo)

| Tổ chức thu xếp phát hành | Trái chủ | Số cuối năm Ngàn VND | Lãi suất %/năm | Ngày đáo hạn | Mục đích | Tài sản thế chấp |
|--------------------------------|--|-------------------------|--|---|--|--|
| HDBS | HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai (*) | 930.000.000 | Lãi suất điều chỉnh ba (3) tháng một lần và bằng chi phí vốn VND mười hai (12) tháng của HD Bank cộng với biên độ 3,50 (2020: 12,57) | Từ ngày 30 tháng 6 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn | 172.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty. |
| ACBS | Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên (**) | 300.000.000 | Lãi suất tiền gửi kỳ hạn mười ba (13) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2020: 10,00) | Ngày 18 tháng 6 năm 2023 | Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn | 40.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty. |
| Chi phí phát hành trái phiếu | | (5.787.788) | | | | |
| TỔNG CỘNG | | 1.224.212.212 | | | | |
| Trong đó: | | | | | | |
| Trái phiếu dài hạn | | 915.984.156 | | | | |
| Trái phiếu dài hạn đến hạn trả | | 308.228.056 | | | | |

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty tại HNG là 40,29% thấp hơn quy định trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là tỷ lệ sở hữu cổ phần của Tổ chức phát hành tại HNG tối thiểu là 51%.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, hệ số thanh toán hiện hành của Công ty đang nhỏ hơn một (1), thấp hơn trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là hệ số thanh toán hiện hành phải lớn hơn một (1).

Ngoài ra, vào ngày 26 tháng 10 năm 2020, Công ty cổ phần BCG Land Gateway đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ Quyền sở hữu 3.000.000 trái phiếu của công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai cho Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên theo Hợp đồng số 2610/HAGLBOND/BCGL GATEWAY-DVNNTN ngày 26 tháng 10 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay ngắn hạn khác

Công ty vay ngắn hạn từ các bên khác nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

| <i>Tên đối tượng</i> | <i>Số cuối năm Ngàn VND</i> | <i>Thời hạn thanh toán</i> | <i>Lãi suất %/năm</i> | <i>Tài sản đảm bảo</i> |
|--|---------------------------------|----------------------------|---------------------------|--|
| Ông Dương Thành Trung (*) | 43.900.451 | Ngày 8 tháng 9 năm 2020 | 13,00 | 7.700.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty. |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Trustlink (**) | 9.242.448 | Ngày 7 tháng 7 năm 2020 | 14,75 | 3.300.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty |
| TỔNG CỘNG | <u>53.142.899</u> | | | |

(*) Vào ngày 6 tháng 1 năm 2021, Công ty đã thanh toán khoản vay đến hạn trên.

(**) Vào ngày 4 tháng 1 năm 2021, Công ty đã thanh toán khoản vay đến hạn trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Ngàn VND | | | | | |
|--|---------------|----------------------|--------------|-----------------------|-----------------|-----------------|
| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lỗi lũy kế | Tổng cộng |
| Năm trước | | | | | | |
| Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 31) | 9.274.679.470 | 3.263.858.784 | (686.640) | 279.895.303 | (4.794.309.136) | 8.023.437.781 |
| Lỗi thuần trong năm | - | - | - | - | (854.291.933) | (854.291.933) |
| Trích thù lao HĐQT, BKS và Thư ký | - | - | - | - | (1.236.000) | (1.236.000) |
| Số cuối năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 31) | 9.274.679.470 | 3.263.858.784 | (686.640) | 279.895.303 | (5.649.837.069) | 7.167.909.848 |
| Năm nay | | | | | | |
| Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 31) | 9.274.679.470 | 3.263.858.784 | (686.640) | 279.895.303 | (5.649.837.069) | 7.167.909.848 |
| Lỗi thuần trong năm | - | - | - | - | (1.028.431.519) | (1.028.431.519) |
| Số cuối năm | 9.274.679.470 | 3.263.858.784 | (686.640) | 279.895.303 | (6.678.268.588) | 6.139.478.329 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu

| | <i>Số lượng cổ phiếu</i> | |
|-------------------------------|--------------------------|-------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Cổ phiếu được phép phát hành | 927.467.947 | 927.467.947 |
| Cổ phiếu đã bán ra công chúng | 927.467.947 | 927.467.947 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 927.467.947 | 927.467.947 |
| Cổ phiếu đang lưu hành | 927.399.283 | 927.399.283 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 927.399.283 | 927.399.283 |
| Cổ phiếu quỹ | 68.664 | 68.664 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 68.664 | 68.664 |

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <i>Ngàn VND</i> | |
|-----------------------------------|---------------------|--------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Doanh thu gộp | 376.925.022 | 100.734.787 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu bán trái cây</i> | 209.610.275 | 14.669.320 |
| <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i> | 86.792.583 | 63.838.764 |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | 80.522.164 | 22.226.703 |
| Khoản giảm trừ | (13.318.930) | - |
| <i>Giảm giá hàng bán</i> | <i>(13.318.930)</i> | <i>-</i> |
| Doanh thu thuần | 363.606.092 | 100.734.787 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu bán trái cây</i> | 196.291.344 | 14.669.320 |
| <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i> | 86.792.583 | 63.838.764 |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | 80.522.165 | 22.226.703 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu từ bên liên quan</i> | 153.277.069 | 58.183.306 |
| <i>Doanh thu từ bên khác</i> | 210.329.023 | 42.551.481 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Ngàn VND | |
|--|--------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi cho vay và lãi tiền gửi ngân hàng | 840.461.884 | 1.104.878.372 |
| Lãi từ thanh lý khoản đầu tư | 25.510.560 | 655.921.355 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 1.216.717 | 501.337 |
| Thu nhập cổ tức | - | 11.959.979 |
| TỔNG CỘNG | 867.189.161 | 1.773.261.043 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 29)</i> | <i>849.701.554</i> | <i>1.103.538.366</i> |
| <i>Doanh thu từ bên liên quan</i> | <i>17.487.607</i> | <i>669.722.677</i> |

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | Ngàn VND | |
|--------------------------|--------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn bán trái cây | 185.843.370 | 14.194.259 |
| Giá vốn dịch vụ cung cấp | 75.628.957 | 55.007.691 |
| Giá vốn hàng hóa đã bán | 73.013.944 | 23.902.354 |
| TỔNG CỘNG | 334.486.271 | 93.104.304 |

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Ngàn VND | |
|---------------------------------|--------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 759.605.140 | 914.705.236 |
| Dự phòng đầu tư vào công ty con | 17.778.990 | - |
| Chi phí lãi HĐHTKD | 16.172.109 | 17.989.667 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 2.867.368 | 436.666 |
| Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư | - | 1.141.878.187 |
| TỔNG CỘNG | 796.423.607 | 2.075.009.756 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | <i>Năm nay</i> | <i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại -</i> <i>Thuyết minh số 31)</i> |
|-------------------------------------|-----------------------------|---|
| Chi phí bán hàng | | |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 31.363.586 | 3.600.730 |
| Chi phí lương nhân viên | 886.805 | 876.058 |
| Chi phí bán hàng khác | 1.275.418 | 87.976 |
| | <u>33.525.809</u> | <u>4.564.764</u> |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Chi phí dự phòng | 989.021.175 | 564.238.898 |
| Chi phí lương nhân viên | 34.187.290 | 35.556.338 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 16.977.996 | 16.128.921 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 7.052.386 | 7.401.429 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 1.769.395 | 8.593.828 |
| | <u>1.049.008.242</u> | <u>631.919.414</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>1.082.534.051</u> | <u>636.484.178</u> |

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | <i>Năm nay</i> | <i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i> |
|----------------------------|----------------------------|-------------------------------------|
| Thu nhập khác | | |
| Thu nhập khác | 1.974.266 | 3.215.928 |
| Chi phí khác | | |
| Xóa sổ công nợ | 31.714.666 | - |
| Các khoản phạt | 12.441.060 | 40.517.652 |
| Xóa sổ tài sản | - | 16.824.254 |
| Lỗi thanh lý tài sản | - | 8.992.631 |
| Hoàn nhập dự phòng (*) | - | (142.895.860) |
| Chi phí khác | 3.948.383 | 2.684.055 |
| | <u>48.104.109</u> | <u>(73.877.268)</u> |
| (LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC | <u>(46.129.843)</u> | <u>77.093.196</u> |

(*) Số tiền này thể hiện việc ghi nhận giảm chi phí do việc hoàn nhập chi phí dự phòng thuế TNDN theo các hướng dẫn của Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ("NĐ 20") về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 5 năm 2017 được tạm trích trước và ghi nhận trong báo cáo tài chính tổng hợp của các năm trước lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

| | Năm nay | Ngàn VND Năm trước |
|--|------------------|-----------------------|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại | - | - |
| | (347.000) | 782.721 |
| TỔNG CỘNG | (347.000) | 782.721 |

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) của năm hiện tại và năm trước. Thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) khác với lợi nhuận/(lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lỗ thuần trước thuế và lợi nhuận/(lỗ) tính thuế:

| | Năm nay | Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 31) |
|--|------------------------|---|
| Tổng lỗ kế toán trước thuế | (1.028.778.519) | (853.509.212) |
| <i>Các khoản điều chỉnh:</i> | | |
| Chi phí không được khấu trừ | 1.045.217.476 | 433.845.632 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 1.885.903 | (85.811) |
| Thu nhập cổ tức | - | (11.959.979) |
| Khác | 6.288.895 | - |
| Lợi nhuận/(lỗ) tính thuế ước tính trong năm hiện hành | 24.613.755 | (431.709.370) |
| Lỗ năm trước chuyển sang | (24.613.755) | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |
| Thuế TNDN phải trả đầu năm | 65.230 | 65.230 |
| Thuế TNDN đã trả trong năm | - | - |
| Thuế TNDN phải trả cuối năm (TM số 18) | 65.230 | 65.230 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại/(thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong năm này và năm trước như sau:

| | Ngàn VND | | | |
|--|--------------------------------------|-------------------|--|------------------|
| | <i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i> | | <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp</i> | |
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | 473.444 | 503.625 | (30.181) | (765.558) |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | (449.383) | (826.564) | 377.181 | (17.163) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Thuế thu nhập hoãn lại phải trả) thuần | 24.061 | (322.939) | | |
| Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại | | | 347.000 | (782.721) |

28.3 Lỗ chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 759.372.286 ngàn VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 783.986.041 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

| Năm phát sinh | Có thể chuyển lỗ đến năm | Lỗ tính thuế (*) | Ngàn VND | | |
|------------------|--------------------------|--------------------|---|-----------------------------|---|
| | | | <i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020</i> | <i>Không được chuyển lỗ</i> | <i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</i> |
| 2017 | 2022 | 321.978.808 | (24.613.755) | - | 297.365.053 |
| 2018 | 2023 | 78.379.982 | - | - | 78.379.982 |
| 2019 | 2024 | 383.627.251 | - | - | 383.627.251 |
| TỔNG CỘNG | | 783.986.041 | (24.613.755) | - | 759.372.286 |

(*) Lỗ tính thuế đã được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lỗ tính thuế chuyển sang các năm sau do chưa chắc chắn được thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Ngàn VND</i> | |
|---|--|----------------------------------|-----------------|------------------|
| | | | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020) | Góp vốn bằng | 1.822.042.563 | - |
| | | khoản phải thu | 238.112.660 | 439.112.672 |
| | | Lãi cho vay | 149.794.154 | 1.018.678.321 |
| | | Cho vay | 130.807.275 | 13.585.096 |
| Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai | Công ty con | Cho vay | 439.321.000 | 447.649.725 |
| | | Lãi cho vay | 46.333.985 | - |
| Công ty Cổ phần Lê Me | Công ty liên quan | Lãi cho vay | 293.053.596 | 258.230.038 |
| | | Cho vay | 266.578.296 | 3.009.300.660 |
| | | Chuyển nhượng phần vốn góp | - | 262.500.000 |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Lãi cho vay | 199.093.206 | 200.398.547 |
| | | Mua hàng hóa | 19.233.392 | 40.883.560 |
| | | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 21.574.891 | 38.396.291 |
| | | Cho vay | - | 1.282.148.420 |
| Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Công ty con | Lãi cho vay | 34.604.389 | 85.008.029 |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai | Công ty liên quan | Lãi cho vay | 22.292.669 | 22.231.760 |
| | | Thanh lý tài sản cố định | - | 6.725.275 |
| | | Cho vay | - | 95.209.929 |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng | Công ty con | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 21.092.520 | - |
| | | Lãi cho vay | 4.058.590 | - |
| | | Cần trừ công nợ | - | 144.317.961 |
| | | Tạm ứng mua hàng hóa | - | 220.160.667 |
| Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Cho vay | 19.383.000 | 16.596.000 |
| Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Lãi cho vay | 10.579.249 | - |
| | | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 4.276.902 | - |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay | Công ty con | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 9.953.036 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Năm nay</i> | <i>Ngàn VND Năm trước</i> |
|--|--------------------|----------------------------------|------------------------|-------------------------------|
| Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch HĐQT | Cho mượn Chi phí lãi HĐHTKD | 7.005.607 6.511.106 | 20.120.000 - |
| Bà Võ Thị Mỹ Hạnh | Thành viên HĐQT | Chi phí lãi HĐHTKD HĐHTKD | 5.538.779 - | - 36.000.000 |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà máy nhựa | Công ty liên quan | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 4.682.948 | - |
| Bà Hồ Thị Kim Chi | Thành viên HĐQT | Chi phí lãi HĐHTKD | 4.122.224 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Số cuối năm</i> | <i>Ngàn VND Số đầu năm</i> |
|--|--|----------------------------------|--------------------|--------------------------------|
| <i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)</i> | | | | |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng | Công ty con | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 28.380.641 | 9.766.573 |
| Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình | Công ty liên quan | Cung cấp dịch vụ xây dựng | 27.595.944 | 27.595.944 |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa quả | Công ty con | Thanh lý TSCĐ | 26.283.627 | 26.323.777 |
| | | Cung cấp dịch vụ xây dựng | 12.323.541 | - |
| | | Bán hàng hóa | 7.115.198 | 14.934.825 |
| Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Bán hàng hóa | 17.022.884 | 12.816.181 |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay | Công ty con | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 9.932.702 | - |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020) | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 7.240.221 | 15.785.553 |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 7.471.281 | 1.562.169 |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn | Công ty liên quan | Cung cấp dịch vụ xây dựng | 5.501.714 | 5.501.714 |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà máy nhựa | Công ty liên quan | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 5.444.663 | - |
| Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 4.702.319 | 4.583.442 |
| Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas | Công ty con | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | - | 7.140.477 |
| Các công ty khác | Công ty liên quan | Các khoản khác | 567.252 | 2.105.291 |
| | | | 159.581.987 | 128.115.946 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Giao dịch | Ngàn VND | |
|--|---|------------------------|----------------------|----------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7) | | | | |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng | Công ty con | Ứng trước mua hàng hóa | 286.841.877 | 268.265.107 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8) (*) | | | | |
| Công ty Cổ phần Lê Me | Công ty liên quan | Cho vay | 3.644.498.048 | 857.847.971 |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Cho vay | 737.585.456 | 1.877.207.456 |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai | Công ty liên quan | Cho vay | 86.936.725 | 86.936.725 |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng | Công ty con | Cho vay | 49.900.701 | - |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020) | Cho vay | 8.907.530 | 1.068.890.232 |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà máy Nhựa Hoàng Anh Gia Lai | Công ty liên quan | Cho vay | 3.000.000 | - |
| Bà Hồ Thị Kim Chi | Phó Tổng Giám đốc | Cho vay | 1.811.406 | 16.742.127 |
| Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai | Công ty con | Cho vay | 123.662 | - |
| Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch HĐQT | Cho vay | - | 20.120.000 |
| Bà Võ Thị Mỹ Hạnh | Thành viên HĐQT | Cho vay | - | 1.636.000 |
| Công ty Cổ phần An Đông Mía | Công ty con (cho đến 24 tháng 12 năm 2020) | Cho vay | - | 1.300.000 |
| | | | 4.532.763.528 | 3.930.680.511 |

(*) Khoản này thể hiện khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả trong năm 2021 với lãi suất trung bình từ 8,00% đến 12,50%/năm, nhằm mục đích tái cơ cấu các khoản nợ trong các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Ngàn VND</i> | |
|---|--|------------------|----------------------|----------------------|
| | | | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| <i>Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8) (*)</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Cho vay | 1.301.191.816 | - |
| Công ty Cổ phần Lê Me | Công ty liên quan | Cho vay | 726.305.996 | 3.216.487.778 |
| Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai | Công ty con | Cho vay | 198.827.184 | 358.538.725 |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020) | Cho vay | 124.182.000 | 4.127.769.426 |
| Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Cho vay | 107.459.985 | - |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai | Công ty liên quan | Cho vay | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Công ty con | Cho vay | 15.980.307 | 649.106.397 |
| Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Cho vay | - | 275.765.936 |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng | Công ty con | Cho vay | - | 49.900.701 |
| | | | 2.573.947.288 | 8.777.568.963 |

(*) Khoản này thể hiện khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả từ năm 2022 đến năm 2023 với lãi suất trung bình từ 10,50% đến 13,00%/năm, nhằm mục đích tái cơ cấu các khoản nợ trong các công ty này.

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 6 năm 2020, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Giao dịch | Ngàn VND | |
|---|--|---------------------------|---------------------------|--------------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9) | | | | |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng | Công ty con | Chi trả hộ Lãi cho vay | 534.708.112 15.147.635 | 535.273.729 - |
| Công ty Cổ phần Lê Me | Công ty liên quan | Lãi cho vay | 112.367.032 | 10.355.825 |
| Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch HĐQT | Cho mượn Khác | 65.490.397 26.121 | 65.612.443 23.261 |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020) | Chi trả hộ Lãi cho vay | 56.879.963 - | 10.576.290 19.711.031 |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai | Bên liên quan | Lãi cho vay Chi trả hộ | 22.873.208 - | 12.780.538 2.192.000 |
| Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Chi trả hộ | - | 107.926.999 |
| Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Lãi cho vay Chi trả hộ | - - | 99.469.183 5.151.875 |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Lãi cho vay | - | 27.165.722 |
| Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Công ty con | Lãi cho vay | - | 16.049.756 |
| Các bên khác | Bên liên quan | Khác | 1.690.329 | 1.882.532 |
| | | | 809.182.797 | 914.171.184 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| <i>Các bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Số cuối năm</i> | <i>Ngàn VND Số đầu năm</i> |
|---|---|------------------|--------------------|--------------------------------|
| <i>Phải thu dài hạn khác (TM số 9)</i> | | | | |
| Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai | Công ty con | Lãi cho vay | 45.411.741 | - |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai | Công ty liên quan | Lãi cho vay | 29.854.077 | 17.654.077 |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Lãi cho vay | 21.999.386 | - |
| Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Lãi cho vay | 10.499.762 | - |
| Công ty Cổ phần Lê Me | Công ty liên quan | Lãi cho vay | 4.805.684 | 230.927.298 |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty con <i>(từ ngày 10 tháng 9 năm 2020)</i> | Lãi cho vay | 1.425.567 | 486.106.860 |
| Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Công ty con | Lãi cho vay | - | 154.362.922 |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng | Công ty con | Lãi cho vay | - | 11.089.045 |
| Các công ty khác | Bên liên quan | Lãi cho vay | 1.561.389 | 861.256 |
| | | | 115.557.606 | 901.001.458 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Giao dịch | Ngàn VND | |
|---|--|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 16) | | | | |
| Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thăng | Công ty con | Mua hàng hóa | 17.495.005 | 1.950.572 |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020) | Mua hàng hóa | 12.792.908 | 2.295.863 |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Mua hàng hóa | 5.921.864 | 22.887.524 |
| Các công ty khác | Bên liên quan | Mua hàng hóa | 5.320.743 | 850.180 |
| | | | 41.530.520 | 27.984.139 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 17) | | | | |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty con (từ ngày 10 tháng 9 năm 2020) | Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ | 8.640.087 | - |
| | | Nhận ứng trước hợp đồng xây dựng | 6.432.959 | - |
| Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên | Công ty con | Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ | - | 772.641 |
| | | | 15.073.046 | 772.641 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Giao dịch</i> | <i>Ngàn VND</i> | |
|--|--------------------|---------------------------------|--------------------|-------------------------|
| | | | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| <i>Phải trả ngắn hạn khác (TM số 20)</i> | | | | |
| Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch HĐQT | HĐHTKD Chi phí lãi HĐHTKD | 100.000.000 - | - 9.966.667 |
| Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane | Công ty con | Thu hộ | 22.769.750 | 22.769.750 |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai | Công ty con | Mượn tạm | 9.408.242 | 9.408.242 |
| Bà Võ Thị Mỹ Hạnh | Thành viên HĐQT | HĐHTKD Chi phí lãi HĐHTKD | 4.112.630 - | 36.000.000 1.488.000 |
| Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu | Công ty con | Thu hộ | 1.812.809 | 1.812.809 |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai | Công ty liên quan | Mượn tạm | 594.335 | 7.422.950 |
| Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên | Bên liên quan | Mượn tạm | - | 15.000.000 |
| Bà Hồ Thị Kim Chi | Phó Tổng Giám đốc | Chi phí lãi HĐHTKD | - | 6.535.000 |
| Ông Nguyễn Anh Hòa | Bên liên quan | Mượn tạm | - | 10.000.000 |
| Các công ty khác | Bên liên quan | Khác | 3.003.478 | 2.806.287 |
| | | | 141.701.244 | 123.209.705 |
| <i>Phải trả dài hạn khác (TM số 20)</i> | | | | |
| Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch HĐQT | HĐHTKD | - | 180.000.000 |
| Bà Hồ Thị Kim Chi | Phó Tổng Giám đốc | HĐHTKD | - | 105.000.000 |
| | | | - | 285.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

| Tên | Chức vụ | Ngàn VND | |
|---------------------|-------------------|------------------|------------------|
| | | Thu nhập (*) | |
| | | Năm nay | Năm trước |
| Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch HĐQT | 2.482.728 | 2.478.528 |
| Ông Võ Trường Sơn | Tổng Giám đốc | 2.077.893 | 2.071.428 |
| Bà Hồ Thị Kim Chi | Phó Tổng Giám đốc | 1.326.582 | 1.295.777 |
| Ông Nguyễn Văn Minh | Phó Tổng Giám đốc | 1.308.936 | 1.367.756 |
| Các cá nhân khác | | 1.304.400 | 1.358.400 |
| TỔNG CỘNG | | 8.500.539 | 8.571.889 |

(*) Bao gồm tiền lương và các khoản thù lao khác.

30. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, khách sạn. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

| | Ngàn VND | |
|------------------|-------------------|-------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Dưới 1 năm | 1.301.822 | 1.301.822 |
| Từ 1 đến 5 năm | 5.207.288 | 5.207.288 |
| Trên 5 năm | 34.329.296 | 35.634.684 |
| TỔNG CỘNG | 40.838.406 | 42.143.794 |

Cam kết bảo lãnh

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn đang cầm cố 4.999.000 cổ phiếu của Hoàng Anh Quang Minh Việt Nam, công ty con, để đảm bảo cho khoản vay của THAGRICO tại Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn.

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá ("BIDV"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV theo Thư bảo lãnh vay vốn số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty và Bá Thước đang trong quá trình làm việc với BIDV để xác định khoản nghĩa vụ tài chính phát sinh liên quan đến khoản Bảo lãnh trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Trong năm 2020, do các ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch Covid-19 tới nền kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các đối tác nói riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện rà soát lại khả năng thu hồi của các khoản phải thu tồn đọng lâu ngày từ các năm tài chính trước đây. Theo đó, căn cứ vào các khoản lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đối tác và các khó khăn nói chung trong ngành nông nghiệp đã phát sinh từ những năm trước, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét lại cơ cấu tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu tồn đọng và thu thập thêm các thông tin quá khứ về khả năng thanh toán của các đối tác mà trước đây chưa thể thu thập được do các giới hạn về thời gian và nguồn nhân lực, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy việc ước tính khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu tồn đọng lâu ngày tại thời điểm lập báo cáo tài chính các năm trước chưa phản ánh đầy đủ rủi ro tổn thất của các khoản phải thu này. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh lại dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm 2020 liên quan đến dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi lớn trong quá khứ với chi tiết như sau:

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (đã được trình bày trước đây) | Điều chỉnh | Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (trình bày lại) |
|---|---|-----------------|---|
| <i>Ngàn VND</i> | | | |
| Bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 | | | |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn | | | |
| khó đòi | (157.805.811) | (1.983.166.900) | (2.140.972.711) |
| Dự phòng phải thu dài hạn | | | |
| khó đòi | (276.880.796) | (2.929.459.227) | (3.206.340.023) |
| Lỗi lũy kế | (737.210.940) | (4.912.626.129) | (5.649.837.069) |
| Trong đó: | | | |
| - Lỗi lũy kế đến cuối năm trước | (23.715.240) | (4.771.829.896) | (4.795.545.136) |
| - Lỗi năm nay | (713.495.700) | (140.796.233) | (854.291.933) |
| | Năm nay (đã được trình bày trước đây) | Điều chỉnh | Năm nay (trình bày lại) |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 | | | |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | (491.123.181) | (140.796.233) | (631.919.414) |
| Tổng lỗ kế toán trước thuế | (712.712.979) | (140.796.233) | (853.509.212) |
| Lỗ sau thuế TNDN | (713.495.700) | (140.796.233) | (854.291.933) |
| | Năm nay (đã được trình bày trước đây) | Điều chỉnh | Năm nay (trình bày lại) |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | | | |
| Lỗ kế toán trước thuế | (712.712.979) | (140.796.233) | (853.509.212) |
| Hoàn nhập dự phòng | (332.500.245) | 140.796.233 | (191.704.012) |

32. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | <i>Ngàn VND</i> | |
|---|--------------------|------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Nợ khó đòi đã xử lý | | |
| - Công ty Cổ phần Thẻ Thao Hoàng Anh Gia Lai | 412.962.919 | - |
| - Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kontum | 3.720.000 | - |
| TỔNG CỘNG | 416.682.919 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 6 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") đã thông qua Nghị quyết số 0601/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc chuyển nhượng thêm các công ty con của Tập đoàn bao gồm Hoàng Anh Quang Minh Việt Nam, Bò sữa Tây Nguyên và Hoàng Anh Đắc Lắc cho THAGRICO. Vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn đã ký các hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp với THAGRICO, và đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để hoàn tất việc chuyển nhượng nói trên.

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") đã tiến hành Đại Hội Cổ đông Bất thường nhằm thông qua Nghị Quyết Số 0801/21/NQHĐCĐ-HAGL Agrico về việc phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("THAGRICO") để hoán đổi các khoản nợ phải trả, nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn hoạt động của HNG. Vốn cổ phần của HNG theo đó sẽ tăng từ 11.085.538.950 ngàn VND lên thành 18.500.000.000 ngàn VND. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Hội đồng Quản trị HNG đã thông qua Nghị quyết số 0801/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ông Đoàn Nguyên Đức, đại diện của Công ty trong HNG, và bầu Ông Trần Bá Dương, đại diện của THAGRICO trong HNG, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Theo đó, căn cứ các quy định hiện hành, HNG không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Vào ngày 22 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 47.500.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 40,29% xuống còn 36,55%.

Vào ngày 2 tháng 3 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 75.500.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 36,55% xuống còn 29,78%.

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2021, Công ty đã đăng ký việc chuyển nhượng 80.000.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG sẽ giảm từ 29,78% xuống còn 22,57%.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2021, Công ty đã mua thêm 4,45% phần vốn góp trong Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi ("Hưng Thịnh Lợi"), công ty con của Công ty, từ cổ đông không kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Hưng Thịnh Lợi sẽ tăng từ 78,22% lên 82,67%.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2021